

BÀN VỀ CHỦ THỂ CỦA LUẬT DÂN SỰ QUA QUY ĐỊNH VỀ BẢO HIỂM TIỀN GỬI CỦA CÁ NHÂN Ở CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

*Đinh Dũng Sỹ**

1. Vấn đề chủ thể của Luật Dân sự trong pháp luật và đời sống

Vấn đề chủ thể của Luật Dân sự là một nội dung pháp lý cực kỳ quan trọng trong lý luận khoa học pháp lý cũng như trong thực tiễn điều chỉnh pháp luật. Vì quan hệ dân sự là hệ thống quan hệ xã hội phổ biến nhất, cũng có thể nói là nền tảng trong đời sống xã hội từ cổ chí kim. Đặc biệt là trong xã hội hiện đại, khi con người ngày càng vươn tới các giá trị tự do, dân chủ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân thì các quan hệ dân sự càng trở nên sống động, thiết thực trong mục tiêu hướng tới một xã hội dân sự, một nhà nước pháp quyền mà ở đó các giá trị trên được bảo vệ và bảo đảm.

Cũng chính vì thế, pháp luật dân sự từ xưa tới nay đều đứng ở vị trí trung tâm trong hệ thống các luật lệ điều chỉnh các quan hệ của đời sống xã hội. Cũng như vậy, trong xã hội hiện đại, Luật Dân sự không chỉ có giới hạn điều chỉnh là các quan hệ dân sự truyền thống¹ mà các nguyên tắc của pháp luật dân sự còn được mở rộng điều chỉnh cả trong

lĩnh vực thương mại. Đặc biệt là thương mại hiện đại, được quan niệm không chỉ là mua bán hàng hóa mà bao gồm cả cung ứng dịch vụ, cả trong đầu tư và sở hữu trí tuệ vì mục tiêu sinh lời².

Như vậy, pháp luật dân sự - thương mại là bộ phận pháp luật rất quan trọng, tạo nên nền tảng pháp lý của các giao dịch tư trong đời sống xã hội. Chính vì vậy, các quy định pháp lý về chủ thể của luật dân sự có ý nghĩa rất to lớn không chỉ trong lĩnh vực của đời sống dân sự mà còn đóng vai trò như một hệ quy chiếu để xác định yếu tố chủ thể trong các lĩnh vực điều chỉnh pháp luật khác.

Tuy nhiên, theo chúng tôi, sự phức tạp và thiếu thống nhất trong các quy định của Bộ luật Dân sự (BLDS) hiện hành về vấn đề chủ thể (tại các chương II, III, IV của Phần thứ nhất BLDS quy định về các chủ thể của quan hệ dân sự gồm: cá nhân, pháp nhân, hộ gia đình và tổ hợp tác) đã gây ra không ít khó khăn, phức tạp trong thực tiễn điều chỉnh pháp luật. Trong phạm vi bài viết này chúng tôi xin được thông qua những bức xúc từ thực tiễn của vấn đề *bảo hiểm tiền gửi của cá nhân ở các tổ chức tín dụng* để trao đổi về vấn đề chủ thể của luật dân sự theo các quy định nói trên.

2. Phạm vi đối tượng bảo hiểm tiền gửi

Vào đầu những năm 90, sau sự đổ vỡ của hệ thống quỹ tín dụng nhân dân, Nhà nước

* TS. Luật học, P. Vụ trưởng Vụ Pháp chế – Văn phòng Chính phủ

¹ Luật Dân sự truyền thống có phạm vi điều chỉnh hẹp hơn so với pháp luật dân sự hiện đại, chủ yếu là các quan hệ tài sản, quan hệ nhân thân trong giao lưu dân sự. Ngày nay pháp luật dân sự còn được coi là nền tảng để điều chỉnh các quan hệ tài sản có yếu tố thương mại (yếu tố sinh lời). Trên thực tế, có nước phát triển pháp luật dân sự của mình để có thể bao quát phạm vi điều chỉnh đối với cả các quan hệ thương mại, cũng có nước xây dựng thành một lĩnh vực pháp luật thương mại riêng. Tuy nhiên việc chế định nên một lĩnh vực pháp luật thương mại riêng vẫn dựa trên những nguyên tắc điều chỉnh cơ bản của pháp luật dân sự. Từ đó, nhiều ý kiến cho rằng luật dân sự là luật gốc (luật mẹ) còn luật thương mại là luật con, luật phái sinh từ luật dân sự.

² Theo quan niệm hiện đại (ví dụ: theo luật mẫu về trọng tài của UNCITRAL) thương mại được hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm không chỉ có thương mại hàng hóa, dịch vụ mà cả về đầu tư và sở hữu trí tuệ; Pháp lệnh Trọng tài thương mại năm 2003 của Việt Nam và dự thảo Luật Thương mại (sửa đổi) hiện nay cũng quan niệm theo xu hướng này.

cũng như ngành ngân hàng đã nghĩ đến việc thiết lập một mô hình bảo hiểm tiền gửi (BHTG), nhằm bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền và bảo đảm an toàn cho hệ thống ngân hàng và các tổ chức tín dụng (TCTD). Ý tưởng này ban đầu được hình thành một cách chậm chạp do những hạn chế về mặt nhận thức nói chung cũng như những khó khăn về mặt tài chính từ phía Nhà nước. Việc nghiên cứu tìm ra một mô hình BHTG ở Việt Nam chỉ thực sự được nghiên cứu một cách nghiêm túc từ năm 1997, khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được giao nhiệm vụ nghiên cứu xây dựng đề án về BHTG, đặc biệt là từ khi Quốc hội thông qua hai đạo luật quan trọng trong lĩnh vực ngân hàng vào tháng 12 năm 1997, đó là Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Luật các tổ chức tín dụng.

Sau một thời gian nghiên cứu, mô hình BHTG đã được hình thành theo Nghị định số 89/1999/NĐ-CP ngày 1/9/1999 (NĐ 89), đến ngày 9/11/1999 Thủ tướng CP đã ký Quyết định số 218/1999/QĐ-TTg thành lập tổ chức BHTG với tên gọi "Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam". BHTG Việt Nam là một tổ chức tài chính của Nhà nước, có tư cách pháp nhân, được Ngân sách nhà nước cấp vốn điều lệ là 1000 tỷ đồng, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, được miễn các khoản thuế nhưng phải bảo đảm an toàn vốn và tự bù đắp chi phí. Mục tiêu của BHTG Việt Nam là bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, nhất là những người gửi tiền nhỏ (cá nhân).

Theo quy định của NĐ 89 về BHTG nói trên, đối tượng được bảo hiểm là *tiền gửi bằng Đồng Việt Nam của cá nhân tại tổ chức tín dụng*. Khi TCTD bị phá sản thì BHTG VN có trách nhiệm chi trả bảo hiểm tiền gửi cho người gửi tiền tại TCTD.

Hai điểm mấu chốt có tính pháp lý quan trọng nhất của chế độ bảo hiểm tiền gửi theo quy định nói trên là:

- Tiền gửi bằng Đồng Việt Nam;
- Tiền gửi của cá nhân.

Trên cơ sở quy định của NĐ 89, Tại Thông tư hướng dẫn số 03/2000/TT-NHNN5

ngày 16/3/2000 (TT 03), Ngân hàng nhà nước đã cụ thể hóa khái niệm tiền gửi của cá nhân được bảo hiểm gồm:

- Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn, có kỳ hạn;
- Tiền gửi không kỳ hạn, có kỳ hạn bao gồm cả tiền gửi trên tài khoản cá nhân;
- Tiền mua các chứng chỉ tiền gửi và các trái phiếu ghi danh do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi phát hành.

Như vậy, cơ chế bảo hiểm tiền gửi hiện nay dừng lại ở việc: *thứ nhất*, chỉ bảo hiểm tiền gửi bằng Đồng Việt Nam (tức là các loại tiền gửi không phải bằng Đồng Việt Nam và các loại tiền được gửi ở ngân hàng, các TCTD nhưng không được coi là tiền gửi thì không thuộc đối tượng được bảo hiểm); *thứ hai*, chỉ bảo hiểm cho tiền gửi của cá nhân, không bảo hiểm cho tiền gửi của tổ chức. Theo tư duy đó, vấn đề này tưởng chừng như đơn giản là chỉ cần làm rõ hai khái niệm: thế nào là tiền gửi và thế nào là tiền gửi của cá nhân ở tổ chức tín dụng? hay nói cụ thể hơn là giải thích rõ hai khái niệm *tiền gửi* và *cá nhân* là có thể vận hành một cách trôi chảy và êm đẹp cơ chế bảo hiểm tiền gửi. Nhưng không phải dễ dàng như vậy, thực tế đã nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp từ hai thuật ngữ nói trên. Trước hết, khái niệm tiền gửi cũng là một khái niệm phức tạp và chưa định hình cụ thể. Tuy nhiên, trong phạm vi bài viết này chúng tôi không đi sâu vào việc phân tích khái niệm này mà chỉ tập trung vào việc phân tích khái niệm *cá nhân*, hay nói đúng hơn là *tiền gửi của cá nhân* trên cơ sở những quy định pháp luật hiện hành, nhằm góp thêm những suy nghĩ của mình trong việc nghiên cứu sửa đổi Bộ luật Dân sự hiện nay (về vấn đề chủ thể) và góp phần làm rõ những vướng mắc từ thực tiễn đang đặt ra, cũng như tìm hướng tháo gỡ trong việc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung NĐ 89 của Chính phủ về Bảo hiểm tiền gửi.

3. Cá nhân là ai và thế nào là tiền gửi của cá nhân được bảo hiểm?

Để trả lời câu hỏi trên buộc chúng ta phải đặt ra và làm rõ vấn đề pháp lý có tính then chốt là: tiền gửi của cá nhân cần được hiểu theo nghĩa nào: *cá nhân - với tư cách là một chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự?* hay theo nghĩa *tiền gửi của cá nhân với tính cách là những khoản tiền gửi thuộc sở hữu của cá nhân* ở các TCTD? Trong khi các quy định của pháp luật ngân hàng chưa có những quy định cụ thể và rõ ràng để lý giải vấn đề nói trên³ thì việc căn cứ vào các quy định của pháp luật dân sự là tất yếu và rất quan trọng. Nhưng nếu căn cứ vào các quy định của BLDS thì đây lại là một câu hỏi không dễ trả lời! Vì chính các quy định của BLDS có sự phức tạp hóa và thiếu chính xác trong các quy định về chủ thể và lại không có sự thống nhất với các quy định về sở hữu. Từ đó, dẫn đến việc buộc người ta phải suy luận trong thực tiễn áp dụng pháp luật và kết quả là cùng một vấn đề đã có những phương án xử lý khác nhau. Căn cứ vào các quy định của BLDS hiện hành, chúng tôi xin làm rõ 2 vấn đề trên như sau:

Thứ nhất, cá nhân - với tư cách là chủ thể của quan hệ pháp luật. Nói đến cá nhân trong trường hợp này trước hết phải hiểu cá nhân là một chủ thể của các quan hệ pháp luật về dân sự, thương mại. Theo pháp luật hiện hành thì có rất nhiều đạo luật, pháp lệnh ở nước ta sử dụng thuật ngữ "tổ chức", "cá nhân" để chỉ hai loại chủ thể của quan hệ pháp luật nói chung⁴. Trong đó thuật ngữ *tổ chức* dùng để chỉ những thực thể có cơ cấu tổ chức, có chức năng, nhiệm vụ rõ ràng, được thành lập hoặc thừa nhận theo các quy định

của pháp luật⁵, còn *cá nhân* là thuật ngữ dùng để chỉ những chủ thể phi cơ cấu (những tự nhiên nhân). Tất nhiên, mục đích sử dụng hai thuật ngữ trên trong các đạo luật hiện hành không phải để chỉ một thực thể cụ thể trong một quan hệ pháp luật cụ thể mà chỉ là một cách nói tắt, nói gọn về hai loại chủ thể phổ biến của pháp luật mà thôi. Còn khi đi vào phân tích một chủ thể trong một quan hệ pháp luật thì về mặt pháp lý không thể dùng hai thuật ngữ nói trên mà phải chỉ ra chủ thể cụ thể, ví dụ cơ quan nhà nước nào đó, doanh nghiệp hay cá nhân cụ thể. Pháp luật của các nước trên thế giới thường sử dụng 2 thuật ngữ *pháp nhân* và *thể nhân*⁶ và chủ thể của pháp luật chỉ có thể là một trong hai, hoặc là pháp nhân hoặc là thể nhân. Cũng có người lầm tưởng hay quan niệm rằng *tổ chức* - đó là pháp nhân, còn *cá nhân* là thể nhân. Quan niệm cá nhân là thể nhân thì có lẽ không cần phải bàn cãi gì thêm, nhưng chúng ta lại không thể quan niệm tổ chức là pháp nhân được, vì có những thực thể được xác định là tổ chức nhưng không có tư cách pháp nhân (ví dụ như Điều 3 Luật Doanh nghiệp định nghĩa: "doanh nghiệp là tổ chức kinh tế..." nhưng công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân lại không phải là tổ chức có tư cách pháp nhân). Đến đây, thiết nghĩ cũng cần phải nói thêm rằng việc sử dụng hai thuật ngữ *tổ chức* và *cá nhân* nói trên trong truyền thống lập pháp ở Việt Nam cũng là những thuật ngữ thiếu chính xác và có thể nói là

³ Pháp luật ngân hàng mới chỉ dừng lại ở những quy định của NĐ 89 và TT 03 như đã nêu ở phần 2 nói trên là chưa rõ ràng và cụ thể. Tuy nhiên, trong bài viết này chúng tôi xin không bình luận về các quy định của pháp luật ngân hàng mà tập trung sự phân tích vào các quy định của pháp luật dân sự.

⁴ Hầu hết các đạo luật, các pháp lệnh và kể cả các văn bản dưới luật của Nhà nước ta hiện nay đều sử dụng thuật ngữ: tổ chức, cá nhân, ví dụ: Bộ luật Dân sự (Điều 1); Luật Doanh nghiệp (Điều 9); Luật Thuế giá trị gia tăng (Điều 3); Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính (Điều 1, 6) v.v...

⁵ Theo tác giả thì thuật ngữ tổ chức ở đây được các nhà làm luật dùng để chỉ tất cả các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức Đảng, các tổ chức đoàn thể, đơn vị lực lượng vũ trang, các tổ chức kinh tế thuộc mọi thành phần kinh tế... có tư cách pháp nhân hoặc không có tư cách pháp nhân.

⁶ Trong khoa học pháp lý Việt Nam, khái niệm pháp nhân ("con người" pháp luật - chỉ những thực thể được hình thành theo pháp luật và phải thỏa mãn những điều kiện luật định (Điều 94 BLDS) và thể nhân (hay các tự nhiên nhân) không phải là những khái niệm xa lạ và cũng không phải là một vấn đề có những quan điểm hay sự tranh luận gay gắt về mặt học thuật. Tuy nhiên, thực tiễn lập pháp của Việt Nam lại tự làm phức tạp hóa vấn đề khi không thống nhất trong cách sử dụng các thuật ngữ này.

không pháp lý (chỉ là để nói tắt, nói gọn). Đó chính là sự phức tạp của vấn đề.

Tuy nhiên, vấn đề nói trên đã trở nên càng phức tạp hơn khi BLDS - đạo luật chủ yếu xác định các loại chủ thể trong quan hệ dân sự lại đưa ra 4 loại chủ thể của quan hệ dân sự, ngoài Pháp nhân, cá nhân còn có hộ gia đình và tổ hợp tác (BLDS, Phần thứ nhất, chương II nói về cá nhân; chương III - pháp nhân; chương IV - hộ gia đình, tổ hợp tác), nhưng lại không nói về các chủ thể khác như: doanh nghiệp tư nhân (DNTN), công ty hợp danh (CTHD), nhóm kinh doanh... Như vậy, quy định về chủ thể của BLDS không giống với quan niệm trong cách sử dụng 2 thuật ngữ tổ chức và cá nhân trong truyền thống lập pháp của Việt Nam nói trên (không thống nhất với ngay chính BLDS hiện hành khi Điều 1 của Bộ luật cũng sử dụng 2 thuật ngữ tổ chức và cá nhân) và cũng không giống với truyền thống pháp luật các nước. Và nếu xét trên khía cạnh chủ thể của quan hệ pháp luật theo quy định của BLDS thì cá nhân không bao gồm hộ gia đình. Và nếu căn cứ vào quy định nói trên thì tiền gửi của hộ gia đình không thuộc đối tượng được bảo hiểm, còn tiền gửi của DNTN, CTHD thì không xác định được là có thuộc đối tượng được bảo hiểm hay không? Tuy nhiên, (theo quan điểm của tác giả) nếu căn cứ vào hai thuật ngữ mà các đạo luật của chúng ta thường dùng là *tổ chức* và *cá nhân* như đã nói trên thì DNTN, CTHD, kể cả tổ hợp tác được xếp vào phạm trù *tổ chức* còn hộ gia đình được xếp vào phạm trù *cá nhân*. Mặc dù vậy chúng ta vẫn cần phải phân tích khía cạnh thứ hai sau đây để thấy rõ hơn sự phức tạp của vấn đề này.

Thứ hai, cá nhân trong mối quan hệ sở hữu tài sản.

Sở dĩ chúng ta phải xét đến mối quan hệ này vì liên quan đến việc trả lời câu hỏi: thế nào là tiền gửi của cá nhân ở các TCTD?, tức là xét trên khía cạnh sở hữu. Ngoài ra còn chính bởi sự không thống nhất giữa những quy định về sở hữu với các quy định về chủ

thể được đưa ra trong BLDS nói trên. Chúng tôi xin nêu ra những quy định này như sau: "

Tại Phần thứ hai, Chương IV của BLDS, Mục 4 nói về sở hữu tư nhân. Tại mục này, BLDS không sử dụng khái niệm *sở hữu cá nhân* mà sử dụng khái niệm *sở hữu tư nhân* - với tính cách là một hình thức sở hữu.

Cụ thể, Điều 220 của BLDS quy định: "*Sở hữu tư nhân là sở hữu của cá nhân đối với tài sản hợp pháp của mình*".

Như vậy, BLDS không đưa ra khái niệm *sở hữu cá nhân* nhưng cách định nghĩa tại điều luật nói trên thì *sở hữu tư nhân* lại chính là *sở hữu của cá nhân* và tại đoạn 2 của điều 220 nói trên còn giải thích cụ thể thêm rằng: "*Sở hữu tư nhân bao gồm sở hữu cá thể, sở hữu tiểu chủ, sở hữu tư bản tư nhân*". Từ quy định này cũng có thể suy ra rằng, *sở hữu của cá nhân* tồn tại dưới dạng *sở hữu của cá thể, sở hữu của tiểu chủ* và *sở hữu của nhà tư bản tư nhân*.

Đến đây thì chúng ta đã thấy ngay sự không thống nhất trong các quy định của BLDS. Khi xem xét vấn đề sở hữu thì Bộ luật khẳng định mọi tài sản hợp pháp của cá thể, tiểu chủ, nhà tư bản tư nhân đều là *sở hữu tư nhân*, cũng tức là *sở hữu của cá nhân*. Tuy nhiên, khi nói về chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự thì cá nhân và hộ gia đình lại được xem xét một cách tách bạch, khái niệm cá nhân không bao hàm hộ gia đình như đã nói ở trên, còn DNTN và CTHD thì lại không được thể hiện rõ là thuộc loại chủ thể nào. Tất nhiên, nếu căn cứ vào các dấu hiệu về 4 loại chủ thể theo quy định của BLDS thì không thể xếp DNTN và CTHD vào loại chủ thể nào trong cả 4 chủ thể nói trên. Như vậy, bản thân pháp luật dân sự đã tạo ra sự phức tạp của vấn đề.

Căn cứ vào các quy định nói trên của BLDS thì việc xác định tiền gửi của cá nhân được bảo hiểm sẽ dựa trên tiêu chí nào? tiêu chí về chủ thể hay tiêu chí về sở hữu? hay phải cả hai tiêu chí đó? Thực tiễn hiện nay đang đặt ra là tiền gửi của DNTN, CTHD, hộ gia đình, tổ hợp tác có thuộc đối tượng tiền

gửi được bảo hiểm hay không? Trên thực tế, các tổ chức tín dụng đã xử lý không thống nhất, dựa theo 3 tiêu chí với 3 hướng xử lý rất khác nhau.

Thứ nhất, nếu dựa vào 2 khái niệm mà các văn bản pháp luật của chúng ta thường dùng là *tổ chức* và *cá nhân*⁷ theo cách hiểu như đã phân tích ở trên thì DNTN, CTHD, Tổ hợp tác không thuộc phạm trù cá nhân và tiền gửi của họ ở các TCTD không thuộc đối tượng được bảo hiểm. Còn Hộ gia đình thì không được coi là một loại *tổ chức* và tiền gửi của họ ở các TCTD thuộc đối tượng được bảo hiểm. Thực tế hiện nay, các TCTD chủ yếu xử lý theo hướng này.

Thứ hai, nếu căn cứ vào các quy định về chủ thể trong BLDS thì cá nhân lại không bao gồm hộ gia đình, và một số TCTD không coi tiền gửi của họ thuộc đối tượng được bảo hiểm. Còn DNTN, CTHD, tổ hợp tác thì không được xác định là cá nhân và cũng không thuộc loại chủ thể nào trong 4 loại chủ thể của pháp luật dân sự nên đương nhiên tiền gửi của chúng không thuộc đối tượng được bảo hiểm⁸.

Thứ ba, nếu dựa trên tiêu chí sở hữu (cũng theo các quy định của BLDS như đã nói trên) thì tiền gửi của doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh, hộ gia đình (thậm chí một số ý kiến cho rằng kể cả tiền gửi của các công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần (tư nhân) đều thuộc phạm trù Sở hữu tư nhân (cũng tức là sở hữu của cá nhân theo cách định nghĩa tại Điều 220 BLDS) và đều thuộc đối tượng được bảo hiểm.

4. Kiến nghị

Thứ nhất, đối với bảo hiểm tiền gửi.

⁷ Kể cả BLDS, ngay tại Điều 1 cũng sử dụng 2 thuật ngữ này.

⁸ Tuy nhiên, cũng có TCTD cho rằng: vì sự không rõ ràng trong các quy định của BLDS cũng như các quy định của pháp luật ngân hàng, nên để bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền thì việc giải thích và áp dụng pháp luật phải tuân theo nguyên tắc là có lợi cho người dân. Từ đó, tiền gửi của DNTN, CTHD cũng phải được coi là đối tượng được bảo hiểm.

Như vậy là, sự thiếu rõ ràng và không thống nhất trong các quy định của BLDS và sự thiếu cụ thể trong hướng dẫn của pháp luật ngân hàng về các loại tiền gửi của cá nhân được bảo hiểm nên đã dẫn đến tình trạng xử lý không thống nhất của các TCTD hiện nay. Và nếu dựa vào các tiêu chí như đã phân tích ở trên thì TCTD nào cũng cho là mình có lý. Chúng tôi cho rằng, việc xác định đâu là tiền gửi của cá nhân ở TCTD được bảo hiểm không nên căn cứ vào tiêu chí sở hữu, rằng khoản tiền đó thuộc sở hữu của cá thể, của tiểu chủ hay của nhà tư bản đều là sở hữu tư nhân (sở hữu cá nhân) và đều thuộc đối tượng của bảo hiểm tiền gửi, mà nên căn cứ vào tiêu chí chủ thể của quan hệ pháp luật tiền gửi. Cá nhân ở đây được hiểu là một thực thể tự nhiên phi cơ cấu, có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, tham gia quan hệ pháp luật về tiền gửi. Theo đó:

- Tiền gửi của DNTN, CTHD, tổ hợp tác không thuộc phạm trù tiền gửi của cá nhân và không được bảo hiểm;

- Tiền gửi của hộ gia đình, theo chúng tôi thuộc đối tượng BHTG. Vì hộ gia đình mặc dù không nằm trong phạm trù cá nhân theo quy định của BLDS nhưng thực chất đây là một thực thể tự nhiên, không phải là một tổ chức được thành lập theo cách hiểu thông thường. Mặt khác, cũng theo quy định của BLDS (Điều 117), hộ gia đình tham gia quan hệ pháp luật thông qua người đại diện (chủ hộ), và do vậy, tài khoản tiền gửi của hộ gia đình ở TCTD được đứng tên cá nhân người đại diện cũng được coi là tiền gửi của cá nhân và được bảo hiểm;

- Tiền gửi của tập thể, hoặc của bất cứ tổ chức nào nếu đứng tên cá nhân mà TCTD có đủ cơ sở pháp lý để khẳng định tiền đó là của tập thể, của tổ chức, không phải là tiền gửi thuộc sở hữu của cá nhân người đứng tên tài khoản thì không thuộc đối tượng BHTG. Trường hợp này không phải chúng tôi lại quay sang tiêu chí sở hữu để xác định tiền gửi được bảo hiểm mà thực chất đây lại là

một vấn đề khác, vấn đề "lách luật". Tức là tiền thuộc sở hữu tập thể, tổ chức nhưng được gửi ở các TCTD với danh nghĩa tiền gửi của cá nhân để được hưởng bảo hiểm. Về vấn đề này pháp luật cần phải có các quy định để phòng ngừa tình trạng biến tướng, "lách luật" nói trên. Trường hợp TCTD không chứng minh được đó là tiền thuộc sở hữu tập thể, tổ chức thì không được quyền từ chối bảo hiểm.

Tóm lại, quan điểm trên đây của chúng tôi chỉ là để xử lý những tình huống thực tiễn bức xúc đang đặt ra hiện nay. Để giải quyết triệt để vấn đề này chúng tôi cho rằng, Chính phủ cũng như Ngân hàng nhà nước cần phải nghiên cứu sửa đổi, bổ sung ngay 2 văn bản là ND 89 và Thông tư 03 theo hướng nói trên. Về mặt kỹ thuật, Nghị định của Chính phủ phải quy định cụ thể và rõ ràng bằng cách liệt kê tiền gửi của cá nhân được bảo hiểm là những loại tiền gửi nào? cá nhân nào? đồng thời cũng khẳng định rõ theo cách loại trừ, ngoài những loại tiền gửi của cá nhân đã được xác định trong danh mục đối tượng bảo hiểm thì tất cả các loại tiền gửi khác đều không thuộc đối tượng bảo hiểm. Từ đó, thực tiễn sẽ tránh được tình trạng xử lý theo kiểu suy luận thiếu căn cứ và thiếu thống nhất nói trên.

Thứ hai, đối với vấn đề chủ thể của các quan hệ pháp luật nói chung và chủ thể của pháp luật dân sự nói riêng.

1. Trước hết về chủ thể của quan hệ pháp luật nói chung.

Theo chúng tôi, các văn bản quy phạm pháp luật không nên dùng thuật ngữ *tổ chức* và *cá nhân*. Vì như chúng tôi đã phân tích ở phần 3 trên đây, việc sử dụng phổ biến 2 thuật ngữ này ở các văn bản pháp luật hiện nay chỉ là một cách nói tắt, nói gọn. Hai thuật ngữ này không nói lên được bản chất pháp lý của các loại chủ thể được bao hàm trong đó. Trong khái niệm *tổ chức* bao hàm cả tổ chức có tư cách pháp nhân, cả tổ chức không có tư cách pháp nhân; còn khái niệm *cá nhân* thì được hiểu không chỉ là "Người

riêng lẻ"⁹ hay một con người cụ thể như quy định của BLDS¹⁰ mà có thể còn bao gồm cả các thực thể khác không được xếp vào loại *tổ chức*, ví dụ như hộ gia đình, nhóm kinh doanh...¹¹.

Vậy không sử dụng hai thuật ngữ tổ chức và cá nhân nói trên thì sử dụng thuật ngữ nào? Theo chúng tôi, nên sử dụng hai thuật ngữ *pháp nhân* và *thể nhân*. *Pháp nhân* - chỉ những chủ thể có đủ những dấu hiệu của pháp nhân theo quy định của pháp luật, còn thể nhân là tất cả các chủ thể còn lại. Hai thuật ngữ này vừa phản ánh được bản chất của hai loại chủ thể phổ biến nhất của các quan hệ pháp luật nói chung, vừa tránh được sự mập mờ, chồng lấn trong thực tiễn chấp hành và thi hành luật, lại vừa phù hợp với thông lệ pháp luật các nước và quốc tế.

2. Đối với chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự.

Nhược điểm của BLDS hiện hành về vấn đề chủ thể như đã phân tích ở điểm 3 nói trên đã gây ra sự mập mờ, khó hiểu và dẫn đến lúng túng trong thực tiễn thi hành luật, vì đã không đưa ra các khái niệm có tính bao quát. Mặt khác, việc quy định bốn loại chủ thể là: pháp nhân, cá nhân, hộ gia đình và tổ hợp tác đã dẫn đến tình trạng là không xác định rõ các chủ thể khác như DNTN, CTHD... thuộc loại chủ thể nào? hay có phải là chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự không? Dự thảo BLDS' - sửa đổi (tháng 9/2004, trình UBNDTVQH và QH khóa XI kỳ họp thứ 6) Điều 1 được sửa đổi như sau: "BLDS quy

⁹ Xem: Từ điển tiếng Việt - xuất bản phẩm năm 1997 của NXB Đà Nẵng và Trung tâm Từ điển học, do tác giả Hoàng Phê chủ biên.

¹⁰ BLDS không định nghĩa thế nào là cá nhân, nhưng tại Điều 16 nói về Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân có quy định: "Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân có từ khi người đó sinh ra và chấm dứt khi người đó chết". Từ đó có thể hiểu *cá nhân* theo quy định của BLDS là một con người cụ thể.

¹¹ Tại khoản 2 Điều 3 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp quy định: "Cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ bao gồm: hộ cá thể và nhóm kinh doanh; hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp; cá nhân kinh doanh; cá nhân hành nghề độc lập..."

định địa vị pháp lý của cá nhân, pháp nhân, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong quan hệ tài sản, quan hệ nhân thân trong giao lưu dân sự..." Như vậy, Điều này đã bỏ thuật ngữ tổ chức và cá nhân thay bằng thuật ngữ pháp nhân và cá nhân. Đồng thời phần ghi chú trong dự thảo Bộ luật cũng giải thích rõ là: "bỏ cụm từ *các chủ thể khác*, theo dự thảo thì chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự là các cá nhân và pháp nhân". Từ dự thảo này, một câu hỏi vẫn được đặt ra là ngoài cá nhân và pháp nhân còn có chủ thể nào nữa của quan hệ pháp luật dân sự hay không? một số chủ thể khác (như đã được đề cập trong các phần trên) không phải là cá nhân cũng chẳng phải là pháp nhân thì không phải là chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự hay sao? Rõ ràng là cách sửa đổi về vấn đề này trong dự thảo Bộ luật vẫn là chưa ổn. Từ đó chúng tôi kiến nghị việc sửa đổi BLDS về vấn đề chủ thể nên theo hướng sau:

Trước hết, BLDS cũng nên sử dụng thống nhất hai thuật ngữ: pháp nhân và thể nhân. Nếu còn dùng thuật ngữ tổ chức và cá nhân như Điều 1 của dự thảo Bộ luật hiện nay thì vẫn rơi vào tình trạng bế tắc và lúng túng. Và không phải chỉ pháp luật dân sự mà tất cả các lĩnh vực pháp luật khác cần phải nhất quán sử dụng hai thuật ngữ này để chỉ 2 loại chủ thể phổ biến và thường xuyên trong các quan hệ pháp luật nói chung. Từ đó, tạo ra sự thống nhất của hệ thống pháp luật trên phương diện chủ thể của quan hệ pháp luật. Tránh việc sử dụng các thuật ngữ không thống nhất, dẫn đến mơ hồ, chồng lấn và tranh chấp trong thực tiễn thi hành luật. Từ việc sử dụng thống nhất hai thuật ngữ pháp nhân và thể nhân, BLDS có thể quy định cụ thể về từng loại chủ thể của quan hệ dân sự. Theo chúng tôi, trước hết, BLDS cần xác định rõ về phạm vi của hai khái niệm pháp nhân và thể nhân. Việc làm rõ hai khái niệm này nên theo hướng đơn giản: những chủ thể được coi là pháp nhân khi có đầy đủ các điều kiện của một pháp nhân theo quy định của BLDS; còn thể nhân là tất cả các chủ thể còn lại.

Thứ hai, việc cụ thể hóa hay quy định về địa vị pháp lý của các loại chủ thể của quan hệ dân sự cần phải được xác định theo nguyên tắc lựa chọn. Không nhất thiết phải quy định hết về địa vị pháp lý của tất cả các loại chủ thể của quan hệ dân sự trong Bộ luật. Đối với pháp nhân cần quy định các dấu hiệu, điều kiện trở thành pháp nhân, đồng thời cũng cần quy định rõ nhưng khái quát về các loại pháp nhân. Đối với thể nhân, từ quy định rõ như thế nào là pháp nhân, các loại pháp nhân và trên cơ sở phương pháp loại trừ cần khẳng định mọi chủ thể còn lại đều là thể nhân. Tuy nhiên, không cần thiết phải quy định về địa vị pháp lý của mọi loại thể nhân trong Bộ luật mà nên có sự lựa chọn. Cần phải thể hiện rõ trong Bộ luật tư tưởng: ngoài cá nhân và pháp nhân là các chủ thể chủ yếu của quan hệ dân sự (được quy định cụ thể về địa vị pháp lý trong Bộ luật) thì các chủ thể khác như hộ gia đình, tổ hợp tác, doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh và các tổ chức khác không có tư cách pháp nhân cũng đều là chủ thể của quan hệ dân sự, nhưng địa vị pháp lý của chúng đã được quy định trong các văn bản luật khác nên không cần phải quy định cụ thể trong BLDS, và nếu chúng tham gia quan hệ dân sự thì quyền và nghĩa vụ của chúng cũng tuân theo các quy định của BLDS.

Tóm lại, đã đến lúc Hệ thống pháp luật mà tiên phong là pháp luật dân sự phải đưa ra những định chuẩn về vấn đề chủ thể của các quan hệ pháp luật. Việc không có những khái niệm chuẩn xác có tính khái quát về chủ thể của pháp luật nói chung; sự thiếu thống nhất và không tương thích trong mối quan hệ giữa các khái niệm chung đó (tổ chức và cá nhân) với các chủ thể trong các quan hệ pháp luật cụ thể đã gây không ít khó khăn trong thực tiễn áp dụng và thực thi pháp luật. Chúng tôi nghĩ rằng, việc sửa đổi, bổ sung BLDS ở thời điểm hiện nay chính là cơ hội tốt để loại bỏ những tồn tại từ thực tiễn pháp luật nói trên.